

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
KHOA CÔNG NGHỆ MAY & THIẾT KẾ THỜI TRANG**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO
TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH THIẾT KẾ THỜI TRANG**

Hà Nội, 2018



MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH.....	3
1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	3
2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng – Chiến lược phát triển của Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang	8
2.3. Mục tiêu của chương trình.....	8
3. CHUẨN ĐẦU RA	10
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM	11
5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	11
5.1. Thông tin tuyển sinh	11
5.2. Quy trình đào tạo	12
5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp	12
6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY	12
7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	14
7.1. Chuẩn bị của giảng viên.....	15
7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học.....	15
7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học.....	16
8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ	17
8.1. Quy trình đánh giá	17
8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá.....	18
8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình: Bảng ma trận CDR cấp độ 3	18
9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	18
9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa	18
9.2 Nội dung chương trình.....	19
9.3 Ma trận các kỹ năng.....	22
9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo.....	23
9.5 Mô tả tóm tắt nội dung học phần.....	24
10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	60
10.1 Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo	60
10.2 Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường	60
10.3 Bảng so sánh với các phiên bản chương trình đào tạo trước đó của trường ĐHCNHN	61
11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	65
PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH.....	66

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình (tiếng Việt):	Cử nhân Thiết kế Thời trang
Tên chương trình (tiếng Anh):	Fashion Design
Mã ngành đào tạo:	7210404
Đơn vị cấp bằng cấp bằng:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:	Cử nhân Thiết kế Thời trang
Trình độ đào tạo:	Đại học
Thời gian đào tạo:	04 năm
Đơn vị giảng dạy:	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
Khoa quản lý CTĐT:	Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

Mục tiêu của chương trình đào tạo được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội; tương thích, phù hợp với Tầm nhìn - Sứ mạng của Khoa Công nghệ May & TKTT, đào tạo con người và nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng, đáp ứng các nhu cầu xã hội trong lĩnh vực thời trang và dệt may.

1.1. Tầm nhìn - Sứ mạng - Mục tiêu chiến lược của Trường ĐH CN Hà Nội

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là trường đại học công lập trực thuộc Bộ Công Thương, có truyền thống đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ kinh tế, công nhân kỹ thuật lâu đời nhất Việt Nam (tiên thân là Trường Chuyên nghiệp Hà Nội thành lập năm 1898 và Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng thành lập năm 1913) và là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ.

1.1.1. Tầm nhìn

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội là cơ sở đào tạo định hướng ứng dụng nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ; là trường đại học đạt chuẩn quốc gia và chuẩn quốc tế một số lĩnh vực; là trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín; là địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế.

1.1.2. *Sứ mạng*

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.1.3. *Mục tiêu chiến lược*

① Chiến lược phát triển đào tạo

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp trở thành một cơ sở đào tạo chất lượng cao theo định hướng ứng dụng, nhiều ngành, nhiều loại hình, nhiều cấp trình độ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho thị trường lao động trong nước và quốc tế với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Các chương trình đào tạo được thiết kế theo định hướng ứng dụng và thường xuyên được cập nhật, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo được công khai và đảm bảo đánh giá định lượng được;

- Ít nhất 10% thời lượng của mỗi chương trình đào tạo được dành cho thực tập thực tế và hoạt động giảng dạy, báo cáo chuyên đề, seminar bởi các giảng viên thỉnh giảng, các chuyên gia, báo cáo viên có uy tín hoặc kinh nghiệm thực tế ở trong và ngoài nước;

- Tổ chức và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ với tất cả các chương trình đào tạo;

- Quy mô đào tạo chính quy dài hạn duy trì trong khoảng 30.000 – 32.000 sinh viên, trong đó đào tạo trình độ đại học chiếm trên 90%; tỉ lệ sinh viên/giảng viên đảm bảo đúng quy định của Nhà nước; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 25% vào năm 2020; Số chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết đào tạo, đồng cấp bằng với các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chiếm ít nhất 10% tổng số chương trình đào tạo;

- Có ít nhất 03 chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

- Nâng cao chất lượng đào tạo và khảo thí tiếng Anh theo định hướng nghề nghiệp.

② Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thành trung tâm nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ uy tín và tin cậy, đủ khả năng tiếp cận và phát triển các công nghệ tiên tiến, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội của đất nước;

- Nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu khoa học gắn với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng và phát triển đào tạo. Phấn đấu đến năm 2020, hoạt động khoa học và công nghệ một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến, hiện đại của khu vực và thế giới;

- Đưa khoa học và công nghệ đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của Nhà trường và sự phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, Ngành, Nhà nước. Đóng góp tích cực vào việc nâng cao vị thế và thương hiệu của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Phấn đấu đến năm 2020 doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ chiếm 20% tổng doanh thu của toàn Trường.

③ Chiến lược phát triển cơ sở vật chất, nguồn tài chính

- Xây dựng cơ sở vật chất (giảng đường, phòng thí nghiệm, thực hành, thư viện, ký túc xá, cơ sở văn hoá-thể thao) của trường đạt tiêu chuẩn TCVN 20-1985 theo hướng hiện đại ngang tầm các nước trong khu vực ASEAN;

- Xây dựng phương án tự chủ đại học, đa dạng hóa nguồn thu, phấn đấu tăng doanh thu tài chính 10% mỗi năm; Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn lực tài chính cho các hoạt động của Nhà trường, từng bước cải thiện nâng cao đời sống cho cán bộ, viên chức và người lao động.

④ Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Phát triển hợp lý nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển cơ cấu tổ chức và các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, lương tâm nghề nghiệp, yêu nghề, gắn bó với Nhà trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường;

- Quy mô đội ngũ đến năm 2020: Toàn trường có 1800 cán bộ, viên chức, trong đó có 1500 giảng viên. Đảm bảo tỷ lệ quy đổi giảng viên/sinh viên đạt 1/20 đối với khối ngành kỹ thuật, 1/25 đối với khối ngành KT-XH;

- Về chất lượng đội ngũ: Đến năm 2020, số giảng viên đạt trình độ tiến sĩ là 25%, đạt trình độ thạc sĩ là 75%, 50% giảng viên dưới 40 tuổi có trình độ ngoại ngữ để có thể tham gia các chương trình đào tạo ở nước ngoài; 100% cán bộ quản lý có trình độ từ thạc sĩ; 100% cán bộ phục vụ có trình độ từ đại học trở lên, sử dụng thành thạo máy vi tính trong công tác quản lý, nghiệp vụ;

- Xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ viên chức và cán bộ quản lý theo yêu cầu của từng vị trí công tác trong trường;

- Xây dựng chính sách thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng toàn diện về chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp sư phạm, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên.

⑤ Chiến lược nâng cao năng lực quản trị Nhà trường và đảm bảo chất lượng

- Nâng cao năng lực quản trị đại học theo mô hình quản trị tiên tiến, phù hợp với xu thế Quốc tế; Thiết lập và áp dụng hệ thống Đại học Điện tử theo mô hình BPM (Business Process Management – Quản trị quá trình tác nghiệp) vào thực hiện và quản lý các hoạt động của Nhà trường;

- Đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- 100% chương trình đào tạo được tự đánh giá theo chuẩn quốc gia hoặc quốc tế trong đó ít nhất 20% được kiểm định và công nhận.

⑥ Chiến lược phát triển quan hệ doanh nghiệp và việc làm cho sinh viên

- Trở thành trường đại học có quan hệ hợp tác với doanh nghiệp và hỗ trợ việc làm cho sinh viên hàng đầu ở khu vực phía Bắc. Khẳng định hợp tác với doanh nghiệp là nhân tố tích cực trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường;

- Phát triển quan hệ hợp tác với doanh nghiệp theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững theo nguyên tắc đôi bên cùng có lợi;

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên có việc làm đạt trên 85% tại thời điểm sau khi tốt nghiệp 6 tháng, 100% giảng viên giảng dạy chuyên ngành có hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, 30% môn học chuyên ngành có sự tham gia giảng dạy/hướng dẫn của chuyên gia đến từ doanh nghiệp.

⑦ Chiến lược phát triển Thương hiệu và Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội

- 100% các yếu tố nhận diện thương hiệu được sử dụng thống nhất trong Nhà trường. Tất cả cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên Nhà trường xác định và giải thích chính xác ý nghĩa các yếu tố nhận diện thương hiệu của trường;

- 100% cán bộ, viên chức và học sinh, sinh viên đạt các tiêu chí “Văn hóa Đại học Công nghiệp Hà Nội”;

- 100% chương trình đào tạo, sản phẩm khoa học công nghệ, thành tích trong các hoạt động của Nhà trường được thông tin và truyền thông rộng rãi tới khách hàng và các bên quan tâm. Website thông tin của Nhà trường nằm trong top 500 website được truy cập nhiều nhất Việt Nam;

- 60% doanh nghiệp có quan hệ thường xuyên với Nhà trường được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng đào tạo và uy tín thương hiệu Nhà trường. 15% sinh viên tốt nghiệp được lấy ý kiến đánh giá về chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

⑧ Chiến lược phát triển hợp tác quốc tế

- Tiếp cận và bắt kịp trình độ, chuẩn mực giáo dục tiên tiến của khu vực và thế giới, qua đó tiếp nhận, chia sẻ tài nguyên và kinh nghiệm phát triển, hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tiếp tục mở rộng quan hệ Quốc tế hiện có;

- Có quan hệ hợp tác Quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và các nước có nền giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiên tiến trên thế giới;

- Huy động sự giúp đỡ, hỗ trợ của các tổ chức, trường đại học Quốc tế phục vụ công tác đào tạo và NCKH, nhằm tăng cường nguồn lực cơ sở vật chất và học bổng cho học sinh, sinh viên; Phát huy tiềm năng của Nhà trường về hợp tác Quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Mỗi năm có từ 1-2 nhiệm vụ hợp tác Quốc tế về khoa học và công nghệ.

Hệ thống giá trị cốt lõi: Kiên định - Khoa học- Khách hàng - Kỹ nghệ - Kết nối - Khác biệt - Kỷ cương - Khách quan.

2.2. Tầm nhìn - Sứ mạng - Chiến lược phát triển của Khoa Công nghệ May & Thiết kế thời trang

2.2.1. Tầm nhìn

Khoa CNM&TKTT trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng đạt chuẩn quốc gia; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, doanh nghiệp và cộng đồng trong lĩnh vực Công nghệ dệt may, thiết kế thời trang và công nghệ vật liệu dệt may.

2.2.2. Sứ mạng

Khoa CNM&TKTT trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ ứng dụng đạt chuẩn quốc gia; là sự lựa chọn hàng đầu của người học, doanh nghiệp và cộng đồng trong lĩnh vực Công nghệ dệt may, thiết kế thời trang và công nghệ vật liệu dệt may.

2.2.3. Chiến lược phát triển

- Dạy và học theo phương pháp tích cực;
- Phát triển chương trình đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia và các tổ chức nghề nghiệp;
- Đánh giá và phát triển các hoạt động đào tạo tiếp cận theo tiêu chuẩn quốc gia, tiến tới chuẩn quốc tế;
- Chuẩn hóa giáo trình giảng dạy;
- Không ngừng nâng cao năng lực giảng viên và cán bộ quản lý;
- Xây dựng môi trường học tập, giảng dạy và NCKH tốt cho giảng viên và sinh viên;
- Đẩy mạnh hoạt động NCKH theo hướng ứng dụng thực tiễn sản xuất;
- Gắn kết hoạt động đào tạo với thực tế sản xuất tại doanh nghiệp.

2.3. Mục tiêu của chương trình

Chương trình đào tạo Thiết kế thời trang được thiết kế với mục tiêu đào tạo như sau:

2.3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học, ứng dụng và tạo ra sản phẩm mới phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;

- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; có kiến thức thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu, có khả năng sáng tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến thiết kế mẫu sản phẩm thời trang: nghiên cứu thị trường, xu hướng thời trang, ý tưởng, thiết kế và hoàn thiện sản phẩm mang tính thẩm mỹ phù hợp với đối tượng; có trách nhiệm nghề nghiệp; Thích nghi với môi trường làm việc; có khả năng tự học, tự nghiên cứu để thích ứng với sự thay đổi không ngừng của thị trường thời trang.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình Thiết kế Thời trang có khả năng:

- MT1: Có kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, Văn hóa - Nghệ thuật, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.

- MT2: Có các kiến thức cơ sở khối ngành và ngành: Có kiến thức về thẩm mỹ; Vật liệu, Hình họa; Theo hướng Thiết kế thời trang chuyên nghiệp đơn chiếc hoặc theo hướng thiết kế thời trang sản xuất công nghiệp; Kiến thức về kinh doanh thời trang.

- MT3: Có kiến thức chuyên ngành đáp ứng được nhu cầu của xã hội về lĩnh vực thiết kế thời trang: Nghiên cứu thị trường, xu hướng, vật liệu thời trang; Quy trình thiết kế mẫu thời trang, hoàn thiện bộ sưu tập theo tiêu chuẩn chất lượng và mang tính thẩm mỹ phù hợp với đối tượng.

- MT4: Có kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp, giao tiếp, làm việc nhóm đủ để thích ứng trong môi trường làm việc liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.

- MT5: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực Khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo để đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển bền vững của xã hội, cộng đồng.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo Thiết kế thời trang đạt được những chuẩn đầu ra theo bảng ma trận tích hợp mục tiêu chuẩn đầu ra của chương trình

Bảng 1. Ma trận tích hợp mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
a.	Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, khoa học tự nhiên, văn hóa – nghệ thuật trong thiết kế thời trang.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>			<input checked="" type="checkbox"/>
b.	Có khả năng nhận thức, lựa chọn và tạo hình vật liệu thời trang phù hợp với ý tưởng, đối tượng trong thiết kế mẫu.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
c.	Có khả năng vẽ hình họa, mô tả chất liệu, thể hiện màu sắc diễn tả ý tưởng bộ sưu tập.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
d.	Có năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai sản phẩm ra thị trường trong bối cảnh kinh tế toàn cầu, môi trường và xã hội.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
e.	Có khả năng ứng dụng các phần mềm đồ họa, phần mềm thiết kế kỹ thuật chuyên ngành và vận hành các loại thiết bị ngành may.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
f.	Có khả năng thiết kế trang phục, thiết kế mẫu trên manơcanh và triển khai thực hiện trong thực tế các sản phẩm.		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>		
g.	Có khả năng nghiên cứu thị trường, dự báo xu hướng thời trang, tổng hợp thị hiếu tiêu dùng, qua đó đưa ra ý tưởng thiết kế và hoàn thiện bộ sưu tập. Có kỹ năng cơ bản về trang điểm - nhiếp ảnh, tổ chức sự kiện và marketing thời trang.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
h.	Có tinh thần trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp trong công việc. Ý thức tôn trọng và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; tuân thủ các quy định, pháp luật về bản quyền. Xác định rõ nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời.	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
i.	Có khả năng tiếp thu các kiến thức quản lý sản xuất, kinh doanh và cải tiến nhằm tăng		<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

	năng xuất, chất lượng.					
j.	Có năng lực ngoại ngữ tương đương trình độ trung cấp bậc 3/6 (tương ứng với B1 khung Châu Âu).			<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
k.	Có kỹ năng thuyết trình chủ động tham gia, thành lập, tổ chức hoạt động nhóm phù hợp với công việc.			<input checked="" type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	

Chuẩn đầu ra đóng vai trò quan trọng cho việc phát triển và đánh giá chương trình đào tạo. Các chỉ báo đánh giá của từng chuẩn đầu ra được dùng làm tham chiếu để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình.

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Người học sau khi tốt nghiệp cử nhân Thiết kế Thời trang có thể đảm nhận các vị trí việc làm như sau:

- Nhà tạo mẫu.
- Thiết kế mẫu tại các doanh nghiệp ngành may và thời trang.
- Phòng phát triển mẫu.
- Kỹ thuật viên tại phòng kỹ thuật các doanh nghiệp may và thời trang ở các vị trí: Thiết kế mẫu rập, giác sơ đồ, kiểm tra chất lượng.
- Làm chủ cơ sở sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc thời trang.
- Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường, viện cùng ngành đào tạo.

Cơ hội thăng tiến: trưởng phòng thiết kế, giám đốc sáng tạo, chủ thương hiệu thời trang, chuyên gia tư vấn thiết kế thời trang.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh

- Quy chế tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT, cập nhật tại <http://tuyensinh.hau.edu.vn>.
- Vùng tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng tuyển sinh: Tất cả thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Phương thức tuyển sinh:

Tổ hợp xét tuyển: + Khối A00 (Toán, Vật Lý, Hóa Học)

+ Khối A01 (Toán, Vật Lý, Tiếng Anh)

+ Khối D01 (Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh)

5.2. Quy trình đào tạo

- Quy chế đào tạo sử dụng là quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo điều kiện để sinh viên tích cực, chủ động thích ứng với quy trình đào tạo để đạt được những kết quả tốt nhất trong học tập, rèn luyện.

- Chương trình đào tạo được thiết kế 8 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 152 tín chỉ. Trong đó thời gian học tập chính thức 4 năm và thời gian học tập tối đa 8 năm.

- Mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính khoảng 15 tuần học, 2 tuần thi, 1 tuần dự trữ và học kỳ phụ khoảng 10 tuần.

5.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ điều kiện sau thì được xét tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên;

- Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng an ninh và giáo dục thể chất;

- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ;

- Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin;

Sinh viên đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Khoa tổng hợp và gửi đề xuất về Phòng Đào tạo, để trình Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp.

6. ĐỘI NGŨ VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY

Khoa Công nghệ May & TKTT bao gồm ba bộ môn: Bộ môn Công nghệ May, bộ môn Thiết kế thời trang và bộ môn Công nghệ Vật liệu Dệt, May. Hiện nay Khoa Công nghệ May & TKTT có 32 cán bộ, giảng viên, trong đó có 1 Phó giáo sư và 1 Tiến sĩ (3.1%), 29 thạc sĩ (90.6%). Độ tuổi bình quân của cán bộ, giảng viên là 30 - 45 tuổi.

Bảng 2. Thống kê đội ngũ giảng viên của Khoa CN may & TKTT năm 2018

Stt	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (ng)				
				Na m	Nữ	<30	30–40	41–50	51–60	>60
1	Phó giáo sư	1	3.1		1			1		
2	Tiến Sĩ	1	3.1		1			1		
3	Thạc sĩ	29	90.6	6	23	6	13	8	1	
4	Đại học	1	3.1		1	2				
Tổng số		32		6	26	8	13	10	1	0

Khoa Công nghệ May & TKTT hiện tại đang quản lý 21 phòng thực hành/ thí nghiệm chuyên ngành phục vụ cho học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Các phòng thí nghiệm và thiết bị được phân công quản lý bởi các bộ môn: Công nghệ May, Thiết kế thời trang, Công nghệ Vật liệu Dệt may.

Bảng 3. Thống kê phòng thí nghiệm chuyên ngành

TT	Tên phòng thí nghiệm	Vị trí
1	101 - P 106. Phòng chuẩn bị sản xuất	101-B4
2	102 - P 101. Xưởng may 01	102-B4
3	103 - P 102. Xưởng may 02	103-B4
4	104 - P 105. Xưởng may 03	104-B4
5	203 - P 202. Xưởng may 04	203-B4
6	204 - P 205. Xưởng may 06	204-B4
7	206 - P 204. Xưởng may 05	206-B4
8	301 - Phòng Công nghệ cao	301-B4
9	302 - Phòng máy tính 3	302-B4
10	303 - Xưởng may 7	303-B4
11	304 - Phòng máy tính 01	304-B4

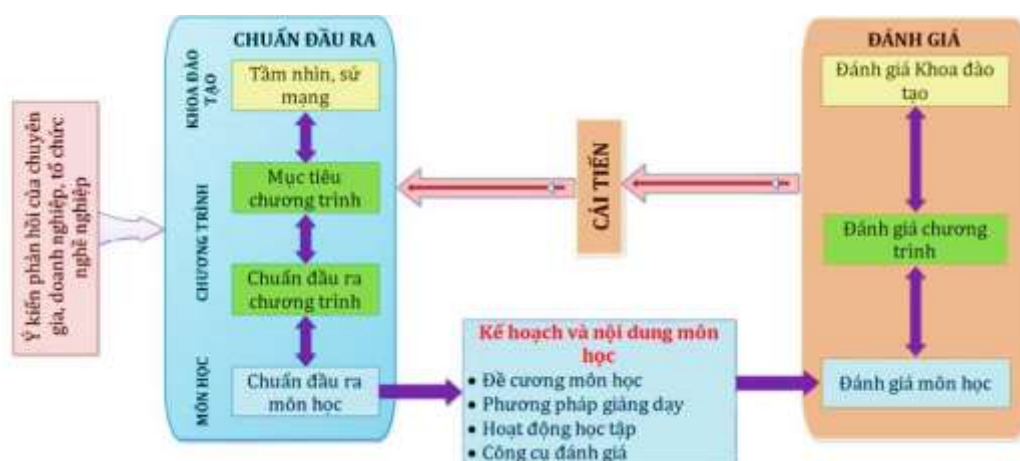
12	305 - Phòng máy tính 02	305-B4
13	401 - Thực hành thiết kế 01	401-B4
14	402 - Phòng Thực hành thiết kế 02	402-B4
15	403 - Thực Thực hành thiết kế mẫu	403-B4
16	404 - Thực Thực hành thiết kế 3	404-B4
17	405 - Phòng Thực hành thiết kế 4	405-B4
18	406 - Phòng chụp STUDIO	406-B4
19	503 - Phòng TH Thiết kế 6	503-B4
20	502 - Phòng TH Thiết kế 5	502-B4
21	505 - Phòng TH Thiết kế 7	505-B4

Các phòng thực hành thiết kế, studio, thí nghiệm chuyên ngành được đầu tư các thiết bị và mô hình hiện đại đáp ứng nhu cầu đào tạo ngành Thiết kế thời trang. Bên cạnh đó còn có các thiết bị hiện đại như: Máy in sơ đồ khổ lớn, máy nhồi bông, máy chần bông khổ lớn, các loại máy may điện tử như máy 1 kim, máy thừa khuyết, đính cúc, hệ thống máy tính, các phần mềm thiết kế Illustrator, Photoshop, Corel Draw và giác sơ đồ Lectra.

Nhà trường có 03 trung tâm thông tin thư viện với tổng diện tích 6.500m² (trong đó diện tích các phòng đọc, nghiên cứu, hội thảo là 4.500m² và diện tích 2.000m² (kho chứa) với trên 300.000 đầu sách, số đầu sách và giáo trình điện tử >10.000 đơn vị, hệ thống phòng đọc, phòng nghiên cứu, tra cứu tài liệu hiện đại.

7. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Khoa Công nghệ May & TKTT tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ CTĐT, thiết kế chuẩn đầu ra cấp độ học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.



Hình 1. Mô tả tiếp cận giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra của Khoa CN Máy & TKTT.

(Nguồn: trường DHCN HN)

7.1. Chuẩn bị của giảng viên

Giảng viên giảng dạy chương trình Thiết kế thời trang cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau:

- Nắm rõ thông tin lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; môn học bắt buộc, môn học tự chọn hay môn học thay thế tốt nghiệp);
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp);
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba hay năm cuối đại học);
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập;

7.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng 4.

Bảng 4. Chiến lược và phát triển giảng dạy

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các học phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, seminar Nhưng học phần thực hành được giảng dạy và luyện tập thực hành tại các phòng thực hành thiết kế và xưởng may gia công hoàn thiện sản phẩm	Thuyết giảng; Bài học; Câu hỏi gợi ý, chẩn đoán Trình diễn mẫu, Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu; Giải quyết vấn đề; Nghiên cứu tình huống; Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các môn học cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm trong phòng thí nghiệm, điền dã ký họa, ghi chép thực tế và tham quan bảo tàng, triển lãm	Điền dã thực tế, luyện tập ký họa, ghi chép; Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các môn học của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận; Thảo luận; Giải quyết vấn đề; Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân; Kế hoạch nghiên cứu

7.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát ít nhất 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan;

- Có nhiều hình thức hỗ trợ sinh viên trong nhiệm vụ rèn luyện đạo đức, tác phong và kỹ năng của một người cử nhân;

- Hàng kỳ các Bộ môn xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra cấp học phần, chuẩn đầu ra cấp học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra cấp CTĐT. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về môn học giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics môn học. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình (Hình 2).



Hình 2. Quy trình giảng dạy học tập và đánh giá sinh viên.

(Nguồn: trường DHCN HN)

8.2. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

Quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

8.3. Rubric đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình: Bảng ma trận CDR cấp độ 3

Hướng dẫn cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong, kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

9.1 Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 146 tín chỉ

Khối lượng học tập	Tổng số	Số tín chỉ			Tỷ lệ (%)
		LT	TH/TN	TL/BTL/ ĐA/TT	
Kiến thức Giáo dục đại cương	48	40,0	8,0	0,0	32,9
Kiến thức Cơ sở ngành	46	30,0	14,0	2,0	31,5
Kiến thức Chuyên ngành	37	18,0	11,0	8,0	25,3
Kiến thức tốt nghiệp	15	0,0	0,0	15	10,3
Tổng cộng	146	88,0	33,0	25,0	100

9.2 Nội dung chương trình

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/TN	TL/BTL/ĐA/TT
I		KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	48	40,0	0,0	8,0	0,0
I.1		Lý luận chính trị	10	10,0	0,0	0,0	0,0
1	LP6002	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin	5	5,0	0,0	0,0	0,0
2	LP6004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2,0	0,0	0,0	0,0
3	LP6001	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3,0	0,0	0,0	0,0
I.2		Khoa học xã hội và nhân văn	12	12	0,0	0,0	0,0
I.2.1		Kiến thức bắt buộc	8	8,0	0,0	0,0	0,0
1	LP6003	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	0
2	BM6047	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0	0	0
3	GF6007	Đại cương Văn hóa Việt Nam	2	2	0	0	0
4	LP6006	Luật sở hữu trí tuệ	2	2	0	0	0
I.2.2	TcTKTT1	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)	4	4,0	0,0	0,0	0,0
1	GF6019	Lịch sử mỹ thuật thế giới	2	2	0	0	0
2	GF6020	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	2	2	0	0	0
3	ME6060	Tác phong làm việc chuyên nghiệp	2	2	0	0	0
I.3		Ngoại ngữ	5	5,0	0,0	0,0	0,0
1	FL6148	Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang 1	5	5,0	0,0	0,0	0,0
2	FL6149	Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang 2	5	5,0	0,0	0,0	0,0
3	FL6150	Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang 3	5	5,0	0,0	0,0	0,0
4	FL6151	Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang 4	5	5,0	0,0	0,0	0,0
5	FL6152	Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang 5	5	5,0	0,0	0,0	0,0
6	FL6153	Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang	5	5,0	0,0	0,0	0,0
I.4		Toán học và Khoa học tự nhiên	9	8,0	0,0	1,0	0,0
I.4.1		Kiến thức bắt buộc	6	5	0	1	0
1	CT6193	Hóa ứng dụng	3	2	0	1	0
2	GF6024	Nguyên lý thị giác	3	3	0	0	0
I.4.2	TcTKTT2	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 3 tín chỉ)	3	3,0	0,0	0,0	0,0
1	BM6085	Thương mại điện tử	3	3	0	0	0
2	ME6042	Vẽ kỹ thuật	3	2,5	0	0	0,5
I.5	TcGDTC	Giáo dục thể chất (Chọn tối thiểu 4 tín chỉ)	4	0,0	0,0	4,0	0,0
1	PE6027	Bóng đá 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
2	PE6028	Bóng đá 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
3	PE6031	Cầu mây 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/TN	TL/BTL/ĐA/TT
4	PE6032	Cầu mây 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
5	PE6029	Đá cầu 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
6	PE6030	Đá cầu 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
7	PE6009	Giáo dục thể chất 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
8	PE6019	Tennis 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
9	PE6020	Tennis 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
10	PE6001	Aerobic 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
11	PE6005	Bơi 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
12	PE6017	Bóng bàn 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
13	PE6003	Bóng chuyên 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
14	PE6021	Bóng rổ 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
15	PE6025	Cầu lông 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
16	PE6011	Karate 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
17	PE6013	Khiêu vũ 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
18	PE6015	Pencak Silat 1	1	0,0	0,0	1,0	0,0
19	PE6002	Aerobic 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
20	PE6006	Bơi 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
21	PE6018	Bóng bàn 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
22	PE6004	Bóng chuyên 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
23	PE6022	Bóng rổ 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
24	PE6026	Cầu lông 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
25	PE6012	Karate 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
26	PE6014	Khiêu vũ 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
27	PE6016	Pencak Silat 2	1	0,0	0,0	1,0	0,0
I.6		Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	5,0	0,0	3,0	0,0
1	DC6001	Công tác quốc phòng, an ninh	2	2,0	0,0	0,0	0,0
2	DC6003	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)	3	0,0	0,0	3,0	0,0
3	DC6002	Đường lối quân sự của Đảng	3	3,0	0,0	0,0	0,0
II		KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	104	52,0	0,0	30,5	21,5
II.1		Kiến thức cơ sở	46	30	0	14	2
II.1.1		Kiến thức bắt buộc	38	22,5	0	13,5	2
1	GF6065	Nhập môn về thiết kế thời trang	3	2	0	0	1
2	GF6014	Hình hoạ 1	3	0	0	3	0
3	GF6015	Hình hoạ 2	3	0	0	3	0
4	GF6062	Vật liệu may	3	2,5	0	0,5	0
5	GF6005	Cơ sở thiết kế trang phục	3	3	0	0	0
6	GF6043	Thiết kế trang phục cơ bản	3	3	0	0	0
7	GF6045	Thiết kế trang phục khoác ngoài	3	3	0	0	0
8	GF6056	Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản	3	0	0	3	0
9	GF6039	Thiết kế quần áo trẻ em	2	2	0	0	0
10	GF6002	Công nghệ may cơ bản	3	3	0	0	0
11	GF6053	Thực hành công nghệ may trang phục cơ bản	4	0	0	4	0

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/TN	TL/BTL/ĐA/TT
12	GF6061	Trang phục cộng đồng các dân tộc Việt Nam	3	2	0	0	1
13	GF6025	Nhân trắc học - Ergonomi	2	2	0	0	0
II.1.2	TcTKTT3	Kiến thức tự chọn (Chọn tối thiểu 8 tín chỉ thuộc 1 trong 2 nhóm sau)	8				
<i>II.1.2.1</i>	<i>TcTKTT31</i>	<i>Nhóm 31 (Chọn tối thiểu 8 tín chỉ)</i>	8	0	0	8	0
1	GF6051	Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính	4	0	0	4	0
2	GF6055	Thực hành Thiết kế và chế thử comple	4	0	0	4	0
3	GF6048	Thiết kế và chế thử trang phục truyền thống	2	0	0	2	0
4	GF6054	Thực hành công nghệ may trang phục khoác ngoài	2	0	0	2	0
5	GF6044	Thiết kế trang phục dệt kim	2	0	0	2	0
6	GF6046	Thiết kế trang phục lót, áo tắm	2	0	0	2	0
<i>II.1.2.2</i>	<i>TcTKTT32</i>	<i>Nhóm 32 (Chọn tối thiểu 8 tín chỉ)</i>	8				
1	GF6034	Tổ chức và quản lý sản xuất ngành may công nghiệp	3	3	0	0	0
2	GF6064	Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0	0	0
3	GF6035	Thiết bị may công nghiệp	3	2,5	0	0,5	0
4	GF6031	Sinh thái và môi trường dệt may	2	2	0	0	0
5	GF6049	Thiết kế và điều hành dây chuyền may	3	2,5	0	0,5	0
II.2		Kiến thức chuyên ngành	37	18	0	11	8
<i>II.2.1</i>		<i>Kiến thức bắt buộc</i>	<i>31</i>	<i>12</i>	<i>0</i>	<i>11</i>	<i>8</i>
1	GF6004	Cơ sở thiết kế thời trang	2	2	0	0	0
2	GF6021	Lịch sử trang phục	2	2	0	0	0
3	GF6016	Hình họa thời trang	3	3	0	0	0
4	GF6012	Đồ họa Thời trang	3	0	0	3	0
5	GF6037	Thiết kế mẫu 3D (Fashion draping)	3	0	0	3	0
6	GF6006	Dự báo xu hướng Thời trang	2	2	0	0	0
7	GF6042	Thiết kế thời trang trẻ em	3	0	0	3	0
8	GF6041	Thiết kế thời trang theo mùa	2	0	0	0	2
9	GF6040	Thiết kế thời trang dạ hội	2	0	0	0	2
10	GF6032	Tạo hình vật liệu thời trang	3	3	0	0	0
11	GF6033	Tổ chức sự kiện thời trang	2	0	0	0	2
12	GF6008	Đồ án chuyên ngành Thiết kế thời trang	2	0	0	0	2
13	GF6036	Thiết kế chuyên đổi mẫu	2	0	0	2	0
<i>II.2.2</i>	<i>TcTKTT4</i>	<i>Kiến thức tự chọn (chọn tối thiểu 6 tín chỉ)</i>	<i>6</i>	<i>6</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
1	AA6002	Chi phí và giá thành	2	2	0	0	0
2	GF6017	Kinh doanh thời trang	2	2	0	0	0

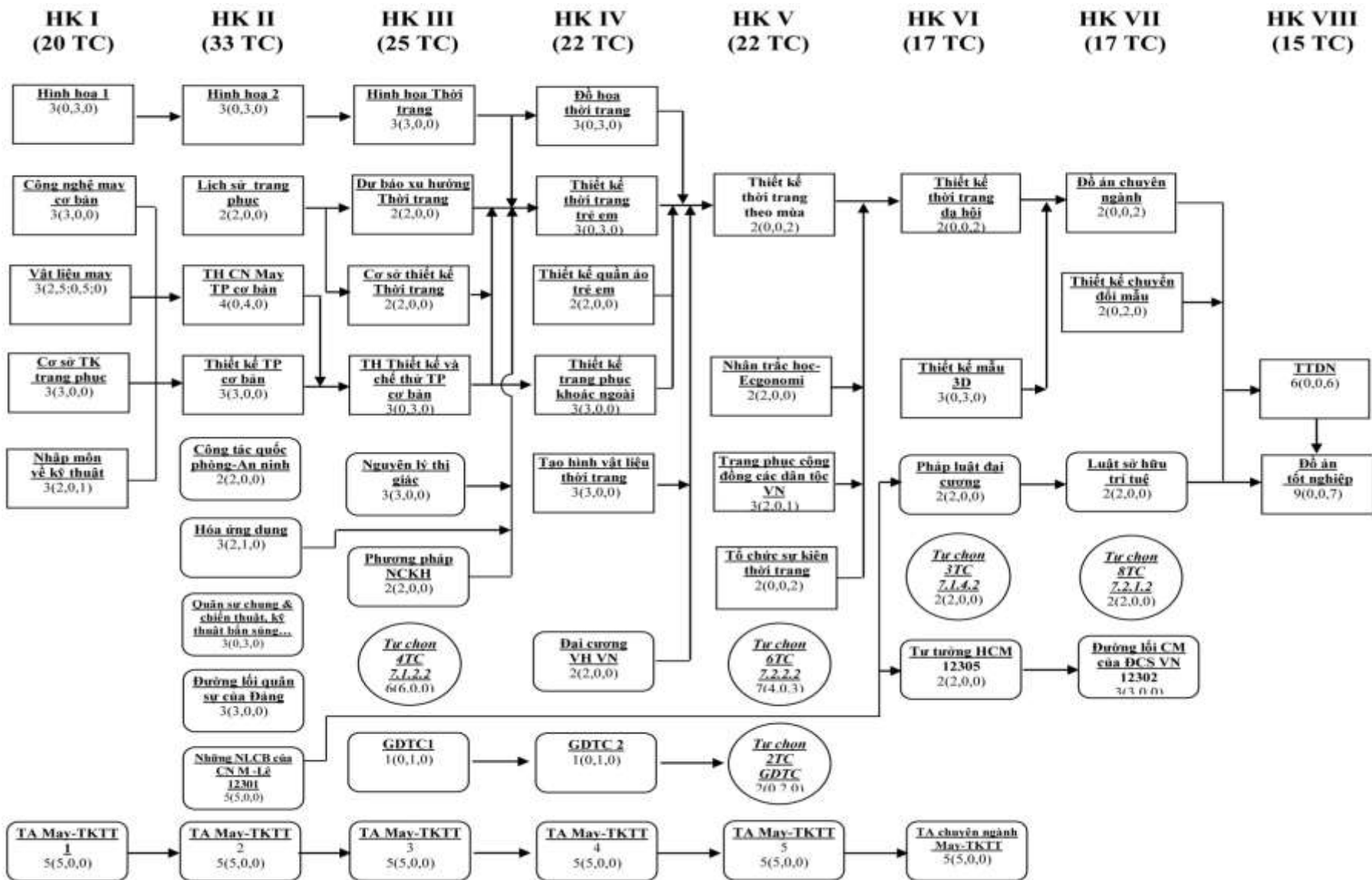
STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				
			Tổng	LT	ThL	TH/TN	TL/BTL/ĐA/TT
3	GF6029	<i>Quản trị thương hiệu ngành may</i>	2	2	0	0	0
4	BM6042	<i>Nghiên cứu thị trường</i>	2	2	0	0	0
5	BM6049	<i>Quản trị rủi ro</i>	2	2	0	0	0
6	GF6022	<i>Marketing thời trang</i>	2	2	0	0	0
7	GF6060	<i>Trang điểm và nhiếp ảnh</i>	2	0	0	2	0
II.3		Thực tập doanh nghiệp và làm đề án/khóa luận	15	0	0	0	15
1	GF6058	Thực tập doanh nghiệp	6	0	0	0	6
2	GF6011	Đề án tốt nghiệp	9	0	0	0	9
		Tổng toàn khoá (Tín chỉ)	146	88,0	0,0	33	25

Ghi chú: Các học phần "Tiếng Anh May và thiết kế thời trang 1", "Tiếng Anh May và thiết kế thời trang 2", "Tiếng Anh May và thiết kế thời trang 3", "Tiếng Anh May và thiết kế thời trang 4" và "Tiếng Anh May và thiết kế thời trang 5" áp dụng riêng cho đối tượng sinh viên chưa đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh, và không tính khối lượng vào chương trình đào tạo.

9.3 Ma trận các kỹ năng

(Phụ lục A3 kèm theo)

9.4 Sơ đồ tiến trình đào tạo



9.5 Mô tả tóm tắt nội dung học phần

9.5.1 Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lê Nin

Mã học phần: LP6002

Số tín chỉ: 5 (5, 0, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách hệ thống những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin như: Các nguyên lý; phạm trù; quy luật cơ bản của sự vận động và phát triển của thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy; những kiến thức cơ bản về sự ra đời, phát triển của chủ nghĩa tư bản và sự tất yếu hình thành của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa... Từ đó xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học khác trong chuyên ngành được đào tạo

9.5.2 Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: LP6004

Số tín chỉ: 2(2, 0, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức về quá trình hình thành, nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Những vấn đề cơ bản đó là: Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, chủ nghĩa xã hội, Đảng cộng sản, nhà nước, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, vấn đề đạo đức, văn hóa, nhân văn... đó là cơ sở lý luận định hướng tư duy và hành động cho sinh viên trong quá trình học tập rèn luyện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

9.5.3 Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

Mã học phần: LP6001

Số tín chỉ: 3(3, 0, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành đường lối và quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó nhấn mạnh đường lối chỉ đạo của Đảng về một số vấn đề như chính trị, kinh tế, văn hóa, ngoại giao... trong giai đoạn hội nhập. Học phần còn giúp sinh viên bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, niềm tự hào dân tộc, trang bị kỹ năng tư duy, khả năng phân tích và xử lý các vấn đề, có thái độ tích cực trong lao động và học tập.

9.5.4 Pháp luật đại cương

Mã học phần: LP6003

Số tín chỉ: 2(2, 0, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-lênin

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật nhằm hình thành tư duy và phương pháp nhận thức khoa học đúng đắn về Nhà nước và pháp luật. Nội dung chủ yếu của học phần gồm các vấn đề: Quy phạm pháp luật; hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật; giới thiệu nội dung cơ bản của Luật Dân sự, Luật Phòng chống tham nhũng... Bên cạnh đó học phần cung cấp cho sinh viên các kỹ năng xử lý tình huống pháp luật trong thực tế, điều chỉnh hành vi theo đúng quy định của pháp luật và nhận thức được vai trò của mình trong việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong gia đình, nhà trường và xã hội, tạo lập cho sinh viên thái độ tôn trọng pháp luật.

9.5.5 Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã học phần: BM6047

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, quy trình nghiên cứu khoa học, thực hành nghiên cứu.

Học phần trang bị phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học cũng như kỹ năng

cần thiết để có thể tham gia các dự án/nhóm nghiên cứu. Nội dung môn học giúp học viên có được quan niệm đúng đắn về vai trò của nghiên cứu khoa học và khả năng ứng dụng các kết quả nghiên cứu trong thực tiễn.

9.5.6 Đại cương văn hoá Việt Nam

Mã học phần: GF6007

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các khái niệm về văn hóa và văn hóa học, các đặc trưng, quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam; Loại hình, chủ thể, không gian và thời gian của văn hóa Việt Nam; Văn hoá đặc trưng một số vùng, miền; Sự ảnh hưởng của văn hóa các khu vực: Trung Quốc, Ấn Độ, Phương Tây với Việt Nam. Phân tích những ảnh hưởng của văn hoá vào thời trang qua một số thời kỳ lịch sử.

9.5.7 Luật sở hữu trí tuệ

Mã học phần: LP6006

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương

Luật Sở hữu trí tuệ bảo vệ các quyền tài sản và nhân thân của các cá nhân, tổ chức liên quan đến tài sản trí tuệ - loại tài sản đặc biệt phát sinh từ hoạt động sáng tạo trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học, sản xuất, kinh doanh. Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận nền tảng về việc bảo hộ quyền SHTT; Điều kiện bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp mang đặc tính sáng tạo; Xác lập, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan; Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu và phân loại nhãn hiệu; Hành vi xâm phạm quyền tác giả... đồng thời tạo cơ sở cho sinh viên hình thành và phát triển các kĩ năng áp dụng pháp luật SHTT để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

9.5.8 Lịch sử Mỹ thuật thế giới

Mã học phần: GF6019

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển lịch sử mỹ thuật thế giới. Đặc điểm mỹ thuật qua các thời kỳ (cổ đại, Phục Hưng và Châu Âu thế kỷ XVII, XVIII, XIX và XX). Đặc điểm một số trào lưu mỹ thuật, tác giả tiêu biểu và ảnh hưởng của nó đến sự phát triển của thời trang.

9.5.9 Lịch sử mỹ thuật Việt Nam

Mã học phần: GF6020

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển lịch sử mỹ thuật Việt Nam; Đặc điểm mỹ thuật qua các thời kỳ từ nguyên thủy đến hiện đại và các dòng tranh dân gian; Tìm hiểu tiểu sử tác giả, phân tích một số tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu; Phân tích những mẫu thiết kế của các nhà thiết kế thời trang có ảnh hưởng từ mỹ thuật Việt Nam.

9.5.10 Tác phong làm việc chuyên nghiệp

Mã học phần: ME6060

Số tín chỉ: 2 (2.0.0)

Loại học phần: tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chuyên nghiệp trong công nghệ. Các nội dung cụ thể bao gồm: Vai trò của công nghệ trong xã hội; Đạo đức nghiên cứu và đào tạo; Sở hữu trí tuệ, luật và quy trình đăng kí bản quyền; Môi trường và các vấn đề ứng xử toàn cầu; Phát triển các kĩ năng lãnh đạo.

9.5.11 Tiếng anh May và Thiết kế thời trang

Mã học phần: FL6153

Số tín chỉ: 5(5,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh May và Thiết kế thời trang 5

- Về kiến thức ngôn ngữ: Học phần này củng cố cho các em khoảng 200 từ vựng liên quan đến các ngành may và TKTT, phân phối và đại lý (đặt hàng, điền mẫu đơn, hệ thống phân phối sản phẩm và các đại lý, đầu tư mạo hiểm) từ vựng liên quan đến bán hàng và marketing (nhu cầu của khách hàng, xu hướng, sáng tạo thương hiệu và tên sản phẩm), các từ vựng liên quan đến vị trí công việc trong ngành May và TKTT; cách viết CV và trả lời phỏng vấn; Học phần này trang bị cho các em cấu trúc ngữ pháp như cách nói về thuận lợi và bất lợi, cách đưa ra lời khuyên để phát triển tính bền vững của ngành May và TKTT, cấu trúc “”What if...”, cấu trúc để đưa ra bài thuyết trình thuyết phục, thương thuyết về giá cả, các cấu trúc câu sử dụng để hỏi và trả lời khi phỏng vấn, các cấu trúc câu lịch sự để gây ấn tượng với nhà tuyển dụng)

- Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt được các kỹ năng sau:

+ Có thể hỏi, trả lời và kể về thuận lợi và bất lợi của công việc;

+ Có thể thuyết minh và trả lời các câu hỏi về cách tiến hành thiết kế/ may sản phẩm, cách đưa ra thương hiệu/ tên sản phẩm;

+ Có thể trả lời phỏng vấn trôi chảy, thương thuyết về lương, đặt câu hỏi với nhà tuyển dụng khi cần thiết.

9.5.12 Hóa ứng dụng

Mã học phần: CT6193

Số tín chỉ: 3 (2, 1, 0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về màu sắc của các chất, quan hệ giữa cấu trúc của các chất và màu sắc của chúng. Các kiến thức về cấu trúc, tính chất vật lý, tính chất hoá học, hoạt tính sinh lý và ứng dụng của các chất màu tự nhiên và chất màu tổng hợp trong công nghệ nhuộm. Các loại phẩm nhuộm, cơ chế của quá trình nhuộm màu trên các chất liệu khác nhau (vải; cúc; chỉ;...) và phân tích độ bền màu. Học phần này còn cung cấp các kỹ năng cho sinh viên nhận thức được trách nhiệm sử dụng các chất nhuộm đảm bảo tính an toàn cho cộng đồng với thái độ tích cực trong việc bảo

vệ sức khỏe con người và môi trường sống.

9.5.13 Nguyên lý thị giác

Mã học phần: GF6024

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần là một môn khoa học về nhận thức và thực tiễn trong hệ thống chương trình đào tạo từ Mỹ thuật cơ sở cho đến các chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng (thời trang). Học phần nhằm cung cấp và nâng cao các kiến thức, nguyên lý khoa học, phương pháp tạo hình dựa trên các yếu tố cơ bản như điểm, đường nét, hình khối, màu sắc, chất liệu, phương pháp cách điệu... đặt trong các mối quan hệ về xây dựng bố cục. Từ đó sinh viên có thể tự bồi dưỡng năng lực tư duy thẩm mỹ, vận dụng các kiến thức và kỹ năng để tạo ra các sản phẩm nghệ thuật ứng dụng.

9.5.14 Thương mại điện tử

Mã học phần: BM6085

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các công cụ marketing trực tuyến, quy trình xây dựng chương trình hoạt động marketing trực tuyến của doanh nghiệp. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức để xây dựng và phát triển thương hiệu bằng các công cụ điện tử, giúp sinh viên thiết kế được nội dung và triển khai được các chương trình marketing trực tuyến, thấy được tầm quan trọng của hoạt động marketing trực tuyến trong bối cảnh kinh doanh hiện tại của doanh nghiệp.

9.5.15 Vẽ kỹ thuật

Mã học phần: ME6042

Số tín chỉ: 3 (2.5, 0, 0.5)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng:

- Các tiêu chuẩn về trình bày bản vẽ;
- Các kiến thức và kỹ năng vẽ hình học;
- Các kiến thức, kỹ năng biểu diễn hình học không gian trên đồ thức;
- Các kiến thức, kỹ năng biểu diễn vật thể bằng phương pháp hình chiếu trục đo;
- Các kiến thức và kỹ năng về hình biểu diễn, hình biểu diễn hợp lý;
- Vẽ qui ước các chi tiết máy điển hình;
- Các kiến thức về bản vẽ chi tiết, kỹ năng ứng dụng các kiến thức đã học vào việc đọc và lập bản vẽ chi tiết;
- Các kiến thức về vẽ qui ước các chi tiết máy điển hình và kỹ năng ứng dụng các qui ước vào việc đọc và lập bản vẽ.

9.5.16 Bóng bàn 1

Mã học phần: PE6017

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Bóng bàn. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.17 Bóng bàn 2

Mã học phần: PE6018

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Bóng bàn. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.18 Aerobic1

Mã học phần: PE6017

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản và các bước di chuyển trong môn Aerobic. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.19 Aerobic2

Mã học phần: PE6018

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp

tổ chức thi đấu cũng như khả năng tự sáng tạo cùng nhóm một Bài tập Aerobic có ghép nhạc. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.20 Bóng chuyền 1

Mã học phần: PE6003

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Bóng chuyền. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.21 Bóng chuyền 2

Mã học phần: PE6004

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Bóng chuyền. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.22 Bơi 1

Mã học phần: PE6005

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, đuồi nước khi gặp nạn và khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Bơi. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.23 Bơi 2

Mã học phần: PE6006

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Bơi. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.24 Cầu mây 1

Mã học phần: PE6031

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Cầu mây. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.25 Cầu mây 2

Mã học phần: PE6032

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác nâng cao trong môn Cầu mây. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.26 Đá cầu 1

Mã học phần: PE6029

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Đá cầu. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.27 Đá cầu 2

Mã học phần: PE6030

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác nâng cao trong môn Đá cầu. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.28 Bóng rổ 1

Mã học phần: PE6021

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Bóng rổ. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.29 Bóng rổ 2

Mã học phần: PE6022

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Bóng rổ. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.30 Bóng đá 1

Mã học phần: PE6027

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Bóng đá và khả năng di chuyển phối hợp ăn ý trong đội. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.31 Bóng đá2

Mã học phần: PE6028

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác nâng cao trong môn Bóng đá. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.32 Cầu lông 1

Mã học phần: PE6025

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng di chuyển và thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn Cầu lông. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.33 Cầu lông 2

Mã học phần: PE6026

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Cầu lông. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.34 Karate-do 1

Mã học phần: PE6011

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng thực hiện được một số động tác cơ bản và Bài Quyền trong môn Karate-do. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.35 Karate-do 2

Mã học phần: PE6012

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác nâng cao trong môn Karate-do. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.36 Khiêu vũ 1

Mã học phần: PE6013

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cảm thụ âm nhạc và các bước di chuyển, thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn khiêu vũ. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.37 Khiêu vũ 2

Mã học phần: PE6014

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác nâng cao trong môn Khiêu vũ. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.38 Pencak Silat 1

Mã học phần: PE6015

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng di chuyển, thực hiện được một số động tác cơ bản và Bài Quyền trong môn Pencak Silat . Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.39 Pencak Silat 2

Mã học phần: PE6016

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Bóng bàn. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.40 Quần vợt 1

Mã học phần: PE6019

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khả năng di chuyển, thực hiện được một số động tác cơ bản trong môn học . Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.41 Quần vợt 2

Mã học phần: PE6020

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, Luật và phương pháp tổ chức thi đấu cũng như khả năng thực hiện được một số động tác trong môn Quần vợt. Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.42 GDTC 1

Mã học phần: PE6009

Sô tín chỉ: 01

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học Phần học trước: Không

Học phần song hành: Không

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, thực hiện được một số động tác cơ bản trong bài thể dục liên hoàn 80 nhịp . Thông qua quá trình tập luyện, sinh viên sẽ rèn luyện được ý chí, lòng quyết tâm cũng như phát triển tốt các tố chất thể lực; sức mạnh, sức nhanh, sự khéo léo...từ đó ngày càng hoàn thiện bản thân và hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập.

9.5.43 Nhập môn về thiết kế thời trang

Mã học phần: GF6065

Số tín chỉ: 3(2,0,1)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Sinh viên sẽ được tiếp cận với phương pháp học tập chủ động và tích cực, ngoài kiến thức tổng quát về các ngành nghề mỹ thuật, sinh viên còn được trang bị các kỹ năng kỹ thuật chuyên nghiệp chẳng hạn như làm việc theo nhóm, giải quyết vấn đề, giao tiếp mỹ thuật, kỹ thuật, thuyết trình, ... Một trong những yêu cầu quan trọng của học phần là sinh viên phải thực hiện một đồ án theo nhóm với mục tiêu hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và hoàn thành một sản phẩm (Ví dụ: một bộ phụ kiện thời trang như: vòng cổ, khuyên tai, vòng tay,...được thiết kế từ các vật liệu thiên nhiên) ứng dụng trong sản xuất và đời sống. Đây là cơ hội để mỗi nhóm sinh viên vận dụng các kiến thức đã được tích lũy để hình thành ý tưởng, sau đó thiết kế kiểu dáng, kích thước, tính năng của sản phẩm. Từ bản thiết kế, các mẫu mã, kiểu dáng sản phẩm sẽ được phân tích, lựa chọn, triển khai thực hiện. Việc đánh giá sẽ dựa trên bốn phần, bao gồm nhật ký công việc, thiết kế, thuyết trình và trình diễn sản phẩm.

9.5.44 Hình họa 1

Mã học phần: GF6014

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vẽ hình họa: khái niệm vẽ hình họa, dụng cụ vẽ hình họa; xác định được các bước vẽ hình họa (quan sát, lựa chọn góc vẽ, xây dựng hình, diễn tả đậm nhạt, sáng tối đối với mẫu vẽ khối cơ bản - tượng bán thân) với chất liệu chì

9.5.45 Hình họa 2

Mã học phần: GF6015

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Hình hoạ 1

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vẽ hình hoạ: xác định được các bước vẽ hình hoạ (quan sát, lựa chọn góc vẽ, xây dựng hình, diễn tả đậm nhạt, sáng tối đối với mẫu vẽ tượng bán thân - tượng toàn thân) với chất liệu chì; xác định được các bước vẽ hình hoạ màu (quan sát, lựa chọn góc vẽ, xây dựng hình và phương pháp vẽ màu)

9.5.46 Vật liệu may

Mã học phần: GF6062

Số tín chỉ: 3(2,5;0,5;0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn gốc và tính chất của nguyên liệu dệt. Đặc trưng cấu trúc, tính chất, phương pháp phân loại và phạm vi sử dụng một số loại vải. Đặc tính kỹ thuật một số phụ liệu may phục vụ cho việc thiết kế, gia công sản phẩm may. Phân biệt và lựa chọn được một số loại nguyên phụ liệu phù hợp với sản phẩm thiết kế và quá trình sản xuất.

9.5.47 Cơ sở thiết kế trang phục

Mã học phần: GF6005

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản để nghiên cứu:

- Quy luật phát triển và nghiên cứu đặc điểm hình dáng cơ thể người theo giới tính, lứa tuổi, và chủng tộc.

- Phân tích mối tương quan giữa cơ thể trang phục, lượng cử động, cơ sở xây dựng công thức thiết kế trang phục.

- Tìm hiểu và ứng dụng các phương pháp kỹ thuật đo đạc các kích thước cơ thể con người.

- Tìm hiểu nhân trắc học, dấu hiệu nhân trắc cơ thể người, để xây dựng sơ đồ đo cơ thể.
- Tìm hiểu thống cỡ số trang phục đang được sử dụng ở Việt Nam và trên thế giới.
- Phân tích phương pháp xây dựng hệ thống cỡ số cơ thể người, để từ đó xây dựng hệ cỡ số phù hợp cho một nhóm đối tượng nghiên cứu.

Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng giải quyết những yêu cầu của các môn học thiết kế trang phục cũng như việc nghiên cứu khoa học chuyên sâu.

9.5.48 Thiết kế trang phục cơ bản

Mã học phần: GF6043

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở thiết kế trang phục

Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp thiết kế 1 số các dạng quần áo cơ bản, nguyên tắc thiết kế và chuyển đổi ly chiết trong thiết kế trang phục, thiết kế phát triển các dạng trang phục biến kiểu. Nhảy mẫu được các trang phục cơ bản, biến kiểu, thiết kế được một số loại mẫu trong sản xuất công nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng của mẫu thiết kế trong hệ thống sản xuất.

9.5.49 Thiết kế trang phục khoác ngoài

Mã học phần: GF6045

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp những kiến thức về phương pháp thiết kế, nhảy mẫu 1 số dạng áo Jacket, áo Veston, áo măng tô nam, nữ, thiết kế phát triển các dạng trang phục biến kiểu, phương pháp xác định độ co và lượng dư công nghệ sử dụng để thiết kế một số mẫu trong sản xuất công nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng của mẫu thiết kế trong hệ thống sản xuất.

9.5.50 Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản

Mã học phần: GF6056

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực hành công nghệ may cơ bản.

Học phần cung cấp kỹ năng nhận diện, phân tích kết cấu, màu sắc, kiểu dáng, chất liệu quần áo cơ bản; Xác định số đo và lượng cử động phù hợp; Thiết kế mẫu mỏng, phát triển mẫu, chế thử, nhận xét đánh giá mẫu chế thử (phân tích hiện tượng, nguyên nhân, cách khắc phục, phòng ngừa một số sai hỏng thường gặp), chỉnh sửa hoàn thiện mẫu chuẩn, nhảy cỡ và thiết kế bộ mẫu phục vụ sản xuất may công nghiệp của số dạng quần áo cơ bản, biến kiểu.

9.5.51 Thiết kế quần áo trẻ em

Mã học phần: GF6039

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: TH thiết kế trang phục cơ bản và khoác ngoài.

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản về đặc điểm hình dáng, phương pháp xác định kích thước cơ thể trẻ em phục vụ trong thiết kế. Lựa chọn lượng cử động, nguyên phụ liệu phù hợp với từng dạng trang phục, lứa tuổi. Phương pháp thiết kế, chế thử và hoàn thiện mẫu, nhảy cỡ trang phục cơ bản, biến kiểu của quần áo trẻ em (quần, áo, váy, áo khoác ...) đáp ứng trong sản xuất may công nghiệp.

9.5.52 Công nghệ may cơ bản

Mã học phần: GF6002

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật may tay, may máy. Mô tả và giải thích được các ký hiệu của các đường may, phương pháp may các bộ phận chủ yếu của quần áo, vẽ và giải thích được quy trình may các bộ phận bằng hình vẽ mặt cắt tổng hợp. Xây dựng được công nghệ lắp ráp sản phẩm từ đơn giản đến phức tạp. Từ đó áp dụng vào việc nghiên cứu, thiết kế tài liệu kỹ thuật và triển khai sản xuất, đồng

thời phát huy khả năng sáng tạo để tối ưu hoá các quy trình lắp ráp

9.5.53 Thực hành công nghệ may trang phục cơ bản

Mã học phần: GF6053

Số tín chỉ: 4(0,4,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Công nghệ may cơ bản.

Môn thực hành công nghệ may trang phục cơ bản giúp cho sinh viên có những kỹ năng cơ bản về những đường may máy, biết vận dụng thành thạo các đường may cơ bản để lắp ráp các bộ phận chủ yếu của trang phục, từ đó áp dụng để may được các loại quần âu, áo sơ mi cơ bản. Biết cách khắc phục và chỉnh sửa một số sai hỏng xảy ra trong khi may, qua đó sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của kỹ thuật lắp ráp các bộ phận, trang phục, chủ động sáng tạo trong việc xây dựng quy trình may phù hợp nhằm rút ngắn thao tác tăng hiệu quả công việc.

9.5.54 Trang phục cộng đồng các dân tộc Việt Nam

Mã học phần: GF6061

Số tín chỉ: 3(2,0,1)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Đại cương văn hóa Việt Nam

Giới thiệu và trình bày được được văn hóa, môi trường, điều kiện khí hậu hình thành lên trang phục cộng đồng các dân tộc theo vùng, miền. Giúp sinh viên hiểu được giá trị, nét đẹp trang phục truyền thống các dân tộc Việt Nam. Nâng cao kỹ năng nhận biết, phân tích đặc điểm và khai thác nét đẹp trang phục dân tộc. Nội dung cũng đề cập tới đặc điểm, kết cấu, họa tiết- hoa văn, màu sắc của trang phục các dân tộc Việt Nam. Từ đó có những ý tưởng sáng tạo, độc đáo kết hợp giữa nét truyền thống và hiện đại để đưa vào trang phục.

Để sinh viên được tiếp cận thực tế nghiên cứu trang phục dân tộc, học phần cũng dành thời lượng cho sinh viên đi thực tế tại một số bản làng dân tộc thiểu số.

9.5.55 Nhân trắc học - Ergonomi

Mã học phần: GF6025

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Giới thiệu chung về khái niệm, ý nghĩa, của Nhân trắc học. Đặc điểm hình dáng, tỷ lệ người trưởng thành và các quy định trong đo đạc nhân trắc. Nghiên cứu về Écgônômi, ứng dụng các nguyên tắc vàng trong thiết kế. Vận dụng Nhân trắc học Écgônômi với màu sắc trong thiết kế thời trang nhằm phát triển kỹ năng, nâng cao nhận thức trong sáng tác mẫu và kỹ thuật thể hiện.

9.5.56 Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính

Mã học phần: GF6051

Số tín chỉ: 4(0,4,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế trang phục khoác ngoài.

Ứng dụng phần mềm tin học chuyên ngành để thiết kế, chỉnh sửa, nhảy cỡ và giác sơ đồ trong sản xuất may công nghiệp.

- Quy trình, phương pháp và tiêu chuẩn kỹ thuật để giác sơ đồ đối với các nhóm hình trang trí trên vải bằng phần mềm máy tính

- Xây dựng được tác nghiệp cắt dựa vào tỷ lệ cắt của đơn hàng.

- In sơ đồ phục vụ sản xuất

Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng giải quyết những yêu cầu của quá trình chuẩn bị và triển khai sản xuất trong may công nghiệp

9.5.57 Thực hành Thiết kế và chế thử comple

Mã học phần: GF6055

Số tín chỉ: 4(0,4,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp kỹ năng nhận diện, phân tích kết cấu comple; Xác định số đo và lượng cử động phù hợp với kiểu dáng, chất liệu trang phục; Phương pháp xác định

các loại độ co, lượng dư công nghệ để thiết kế mẫu mỏng, nhảy cỡ và làm mẫu cứng; Phát triển mẫu; Chế thử (phân tích hiện tượng, nguyên nhân, cách khắc phục, phòng ngừa một số sai hỏng thường gặp) và hoàn thiện sản phẩm comple.

9.5.58 Thiết kế và chế thử trang phục truyền thống

Mã học phần: GF6048

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp thiết kế trang phục truyền thống như: Áo bà ba, áo dài truyền thống, quần ống suông và biến kiểu. Xác định số đo và lượng cử động phù hợp với kiểu dáng trang phục. Kỹ thuật may và hoàn thiện sản phẩm áo bà ba, bộ áo dài truyền thống; Biết cách phân tích hiện tượng, nguyên nhân, cách khắc phục, phòng ngừa một số sai hỏng thường gặp. Thông qua chương trình học sinh viên có khả năng phát triển mẫu mới từ trang phục truyền thống.

9.5.59 Thực hành công nghệ may trang phục khoác ngoài

Mã học phần: GF6054

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành công nghệ may trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp những kỹ năng để lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm áo Jacket 2, 3 lớp; Kỹ năng kiểm tra, đánh giá sản phẩm theo 5 tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản; Kỹ năng sử dụng một số loại máy chuyên dùng. Phân tích được các nguyên nhân sai hỏng và đưa ra được biện pháp khắc phục, sửa chữa, từ đó xác định được trách nhiệm của bản thân với những sản phẩm mà mình làm ra đạt chất lượng tốt nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách hàng

9.5.60 Thiết kế trang phục dệt kim

Mã học phần: GF6044

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản phương pháp xác định số đo và lượng cử động phù hợp với kiểu dáng, chất liệu trang phục. Phương pháp thiết kế, nhảy cỡ một số sản phẩm dệt kim cơ bản bằng phần mềm chuyên ngành. Phân tích được kết cấu, lựa chọn được thiết bị, quy trình may và hoàn thiện 1 số dạng quần áo cơ bản, biến kiểu; phân tích hiện tượng, nguyên nhân, cách khắc phục, phòng ngừa một số sai hỏng thường gặp.

9.5.61 Thiết kế trang phục lót, áo tắm

Mã học phần: GF6046

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Vật liệu may; Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản: Đặc điểm, hình dáng cơ thể người. Phác thảo và xây dựng kết cấu sản phẩm đồ lót, áo tắm. Lựa chọn nguyên phụ liệu, thiết bị phù hợp với kiểu dáng, kết cấu sản phẩm. Từ đó xác định lượng cử động và phương pháp thiết kế cho sản phẩm. Đảm bảo sự vừa vặn, an toàn và tiện nghi.

9.5.62 Tổ chức và quản lý sản xuất ngành may công nghiệp

Mã học phần: GF6034

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản của tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp như: chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của doanh nghiệp; những nguyên tắc và những nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp; Nguyên lý và phương pháp tổ chức, phân công lao động khoa học thông qua hợp lý hóa thao tác và tổ chức chỗ làm việc hợp lý; Những nguyên tắc và phương pháp xây dựng định mức lao động, qui trình và phương pháp quản lý doanh nghiệp, quản lý các bộ phận sản xuất chính trong doanh nghiệp sản xuất hàng may mặc (đặc biệt là chuyên may). Hiểu được các vấn đề về lãng phí và biện pháp tăng năng suất trong mỗi công đoạn. Từ đó có ý

thức và trách nhiệm trong quá trình tham gia sản xuất, quản lý và sử dụng lao động một cách tối ưu, đảm bảo tiết kiệm mọi nguồn lực, tăng năng suất, hạ giá thành sản phẩm, đóng góp vào sự thành công của doanh nghiệp.

9.5.63 Xử lý hoàn tất sản phẩm

Mã học phần: GF6064

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Vật liệu may.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình nấu, tẩy, nhuộm, in hoa sản phẩm dệt – may; Quá trình hoàn tất sản phẩm may, xây dựng hệ thống nhãn mác cho sản phẩm. Thiết kế qui trình sản xuất như: in, thêu, là, gấp, bao gói; Phương pháp xử lý bề mặt vật liệu phù hợp. Rèn cho sinh viên khả năng tự học, tự nghiên cứu, tính sáng tạo; Trách nhiệm trong thiết kế, sản xuất và bảo quản sản phẩm dệt - may.

9.5.64 Thiết bị may công nghiệp

Mã học phần: GF6035

Số tín chỉ: 3(2,5;0,5;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các loại thiết bị được sử dụng trong ngành may công nghiệp: Cấu tạo/cơ cấu và nguyên lý hình thành và ứng dụng một số dạng mũi may cơ bản; Cấu tạo, nguyên lý hoạt động. Phương pháp hiệu chỉnh, khắc phục những sai hỏng thường gặp; Phương pháp thiết kế cỡ gá lắp phù hợp với một số dạng đường may. Nhận thức rõ tầm quan trọng của thiết bị trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Từ đó chủ động, sáng tạo trong việc vận hành, sử dụng, bảo quản thiết bị an toàn và hiệu quả.

9.5.65 Sinh thái môi trường dệt may

Mã học phần: GF6031

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về môi trường, về sinh thái, ảnh hưởng của sản xuất dệt may đến môi trường và sức khỏe con người. Hiểu được khái niệm và các giải pháp về sản xuất sạch hơn. Phân tích thành phần nhân sinh thái, thực hiện và đánh giá các tiêu chí sản xuất sạch hơn trong các doanh nghiệp dệt may phù hợp với từng giai đoạn cụ thể. Qua đó sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môi trường đối sức khỏe con người và sự phát triển bền vững. Từ đó có ý thức, trách nhiệm trong sinh hoạt hàng ngày và công việc.

9.5.66 Thiết kế và điều hành dây chuyền may

Mã học phần: GF6049

Số tín chỉ: 3(2,5;0,5;0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dây chuyền may công nghiệp:

- Khái niệm, đặc điểm, các yếu tố và điều kiện ảnh hưởng đến việc thiết kế dây chuyền, các loại dây chuyền;
- Quy trình và phương pháp thiết kế dây chuyền (cắt,may, hoàn thành sản phẩm): Thiết lập phiếu công nghệ, phân công lao động, vẽ sơ đồ qui hoạch mặt bằng dây chuyền.
- Điều độ và cân đối năng lực sản xuất của dây chuyền
- Tổ chức và điều hành dây chuyền may: Lựa chọn, phân công lao động phù hợp, kiểm soát- duy trì cân bằng chuyền đảm bảo năng suất, chất lượng, tiến độ.

Rèn cho sinh viên tính cẩn thận, kiên trì, nhanh nhẹn và khả năng tìm tòi, sáng tạo, phương pháp làm việc khoa học.

9.5.67 Cơ sở thiết kế thời trang

Mã học phần: GF6004

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử trang phục

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản: khái niệm chung, tính chất, ý nghĩa của những yếu tố trong thiết kế thời trang; phương pháp thể hiện dáng người thời trang; phương pháp làm bản moodboard và poster thời trang. Giới thiệu quy trình thiết kế thời trang; quy trình dựng dáng người theo cấu trúc và tỷ lệ chuẩn, dáng nam, nữ, trẻ em. Từ đó nâng cao khả năng tư duy sáng tạo trong thiết kế thời trang, ứng dụng linh hoạt trong các môn học chuyên ngành sâu.

9.5.68 Lịch sử trang phục**Mã học phần:** GF6021**Số tín chỉ:** 2(2,0,0)**Loại học phần:** Bắt buộc**Điều kiện tiên quyết:** Không

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về: khái niệm, vai trò của trang phục. Nhận biết đặc trưng và nghiên cứu các giai đoạn phát triển trang phục trên thế giới và Việt Nam. Từ đó đưa ra được nhận định về một số phong cách trong trang phục. Ứng dụng và sáng tác trong xu hướng thời trang hiện đại. Mô tả đặc điểm trang phục của từng giai đoạn, sáng tạo trong thiết kế thời trang hiện đại.

9.5.69 Hình họa thời trang**Mã học phần:** GF6016**Số tín chỉ:** 3(3,0,0)**Loại học phần:** Bắt buộc**Điều kiện tiên quyết:** Hình họa 2

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hình họa thời trang, dụng cụ vẽ hình họa thời trang; Kỹ thuật trình bày hình thức, thể hiện chất liệu, kỹ năng vẽ hình họa thời trang; Lựa chọn, thể hiện những bài hình họa thời trang bằng các hình thức (mảng, nét, chấm...) và chất liệu thể hiện (bút chì, màu nước, bút sắt...) khác nhau.

9.5.70 Đồ họa thời trang**Mã học phần:** GF6012**Số tín chỉ:** 3(0,3,0)**Loại học phần:** Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Hình họa thời trang

Học phần hướng dẫn kỹ năng sử dụng phần mềm ILLUSTRATOR hỗ trợ sáng tác thời trang trên máy tính một cách hiệu quả và linh hoạt, tiết kiệm tối đa thời gian, kinh phí trong các công đoạn chế thử. Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về các thao tác cơ bản dùng để vẽ trên máy tính; Phương pháp thiết kế tạo dáng người mẫu, sáng tác trang phục, lựa chọn nguyên phụ liệu và phương án màu phù hợp với kiểu dáng trang phục trên người mẫu. Thiết kế poster quảng cáo cho bộ sưu tập thời trang.

9.5.71 Thiết kế mẫu 3D (Fashion draping)

Mã học phần: GF6037

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản như: Phác thảo và xây dựng kết cấu sản phẩm. Lựa chọn nguyên phụ liệu phù hợp với kiểu dáng. Thiết kế mẫu sản phẩm cơ bản trên manocanh, phát triển mẫu mới, khai triển mẫu 3D – 2D. Chế thử và hoàn thiện bộ mẫu chuẩn phục vụ may công nghiệp.

9.5.72 Dự báo xu hướng Thời trang

Mã học phần: GF6006

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử trang phục

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu và quy trình dự báo xu hướng thời trang; phân tích được các yếu tố tác động tới sự thay đổi của xu hướng thời trang đặc biệt là phải phân tích được các yếu tố cơ bản của các mẫu hình tinh túy trong lịch sử trang phục thế giới và Việt Nam. Từ đó vận dụng linh hoạt phương pháp nghiên cứu xu hướng thời trang nhằm tạo ra những bộ sưu tập mới đáp ứng nhu cầu thị hiếu của xã hội đương đại.

9.5.73 Thiết kế thời trang trẻ em

Mã học phần: GF6042

Số tín chỉ: 3(0,3,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Dự báo xu hướng thời trang

Sinh viên được trang bị các kiến thức để trình bày được phương pháp và quy trình thiết kế bộ sưu tập dành cho đối tượng cụ thể (tìm ý tưởng, nghiên cứu và lập bảng xu hướng...) Trình bày được nguyên tắc thiết kế biểu tượng và phát triển bộ sưu tập thời trang và thiết kế được bộ sưu tập thời trang theo ý tưởng cá nhân.

Thông qua môn học, sinh viên có thể lập bảng nghiên cứu xu hướng, ý tưởng và đối tượng sử dụng bộ sưu tập thiết kế, minh họa được ý tưởng thiết kế thông qua vẽ biểu tượng, triển khai phác thảo bộ sưu tập. Học phần yêu cầu sinh viên lựa chọn và thực hiện hoàn thiện sản phẩm đại diện cho bộ sưu tập thời trang. Sử dụng hình ảnh đại diện cho bộ sưu tập, thiết kế Poster quảng cáo.

9.5.74 Thiết kế thời trang theo mùa

Mã học phần: GF6041

Số tín chỉ: 2(0,0,2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế thời trang trẻ em.

Học phần cung cấp những kiến thức về phong cách thời trang xuân hè, giới tính, môi trường. Từ đó nghiên cứu ý tưởng, đối tượng, xu hướng mới, trình bày quy trình thiết kế bộ sưu tập thời trang. Học phần cũng yêu cầu sinh viên lập bảng nghiên cứu xu hướng, minh họa được ý tưởng thiết kế thông qua việc xây dựng biểu tượng. Ngoài ra học phần yêu cầu sinh viên lựa chọn và hoàn thiện 1 bộ sản phẩm đại diện cho bộ sưu tập thời trang. Sử dụng hình ảnh đại diện cho bộ sưu tập, thiết kế Poster quảng cáo.

9.5.75 Thiết kế thời trang dạ hội

Mã học phần: GF6040

Số tín chỉ: 2(0,0,2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thực hành Thiết kế và chế thử comple.

Học phần cung cấp những kiến thức về phong cách thời trang thu đông, giới tính, môi trường. Từ đó nghiên cứu ý tưởng, đối tượng, xu hướng mới, trình bày quy trình thiết kế bộ sưu tập thời trang. Học phần cũng yêu cầu sinh viên lập bảng nghiên cứu xu

hướng, minh họa được ý tưởng thiết kế thông qua việc xây dựng biểu tượng. Ngoài ra học phần yêu cầu sinh viên hoàn thiện 1 bộ sản phẩm đại diện cho bộ sưu tập thời trang. Thiết kế hình ảnh đại diện cho bộ sưu tập, thiết kế Poster quảng cáo.

9.5.76 Tạo hình vật liệu thời trang

Mã học phần: GF6032

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý thị giác, vật liệu may

Học phần giới thiệu và cung cấp các kiến thức cơ bản về các phương pháp tạo hình thủ công trên trang phục như phương pháp chắp ghép mảng, điêu khắc vải, tạo khối, đính kết, in, thêu..., thông qua các nguyên tắc và phương pháp tạo hình căn bản sinh viên có thể áp dụng linh hoạt trong chuyên ngành thiết kế thời trang.

9.5.77 Tổ chức sự kiện thời trang

Mã học phần: GF6033

Số tín chỉ: 2(0, 0, 2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên những quy định của pháp luật về thủ tục quy trình và mẫu văn bản xin cấp phép tổ chức sự kiện. Nội dung chính của học phần giúp sinh viên có kỹ năng xây dựng, lập kế hoạch tổng thể và chi tiết chương trình, đưa ra phương án dự phòng xử lý sự cố phát sinh. Kỹ năng lập dự toán kinh phí thực hiện cũng như biên soạn hồ sơ mời tài trợ cho chương trình. Từ đó sinh viên sẽ triển khai một chương trình cụ thể, thông qua hoạt động nhóm phối hợp thực hiện.

9.5.78 Đồ án chuyên ngành

Mã học phần: GF6008

Số tín chỉ: 2(0,0,2)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Thiết kế thời trang dạ hội

Học phần đưa ra 2 chủ đề cho sinh viên lựa chọn hướng nghiên cứu. Học phần

hướng dẫn sinh viên nghiên cứu đối tượng, môi trường làm việc, đặc thù công việc hoặc đặc trưng doanh nghiệp. Qua đó sinh viên đưa ra ý tưởng thiết kế bộ sưu tập được thể hiện hình dáng, kết cấu, màu sắc, chất liệu trên bản vẽ. Học phần cũng yêu cầu sinh viên viết báo cáo quá trình nghiên cứu thiết kế bộ sưu tập cũng như thực hiện hoàn thiện 3 bộ trang phục và thiết kế Poster quảng cáo.

9.5.79 Thiết kế chuyển đổi mẫu

Mã học phần: GF6036

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử comple

Học phần cung cấp những kiến thức, phương pháp chuyển đổi mẫu trang phục từ những phom dáng, kết cấu đã có sẵn, lỗi một thành những phom dáng, kết cấu mới hợp mốt, có giá trị thẩm mỹ và tính ứng dụng cao. Học phần được xây dựng từ hệ thống những bài tập thực hành từ cơ bản đến nâng cao như chuyển đổi các sản phẩm từ áo, váy, quần sang sản phẩm mới phù hợp với xu hướng và đối tượng sử dụng.

9.5.80 Trang điểm và nhiếp ảnh

Mã học phần: GF6060

Số tín chỉ: 2(0,2,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về trang điểm và nhiếp ảnh. Học phần hướng dẫn phương pháp và kỹ năng trang điểm, chụp ảnh mẫu phù hợp với đối tượng và chủ đề cụ thể.

9.5.81 Chi phí giá thành

Mã học phần: AA6002

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Thực hành thiết kế và chế thử comple

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm may mặc, quy trình sản xuất tổng thể và phương thức sản xuất ngành may như CMT, FOB, ODM, OBM; các phương pháp xác định chi phí và giá thành sản

phẩm may mặc; phân tích chi phí sản xuất, giá thành và xây dựng phương án giá trong doanh nghiệp may.

9.5.82 Kinh doanh thời trang

Mã học phần: GF6017

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên thị trường, khách hàng mục tiêu, phân đoạn thị trường và các chính sách Marketing- Mix trong kinh doanh thời trang, hiểu các hệ thống và mô hình sản xuất kinh doanh thời trang.

Lập hồ sơ khách hàng mục tiêu trên cơ sở nghiên cứu thị trường, thị hiếu, tâm lý tiêu dùng thời trang của các nhóm khách hàng khác nhau. phân biệt, lựa chọn được các mô hình tổ chức sản xuất phù hợp với lĩnh vực kinh doanh. Dự đoán xu hướng tiêu dùng thời trang, áp dụng các công cụ tổ chức sản xuất và marketing vào việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh sản phẩm thời trang của các doanh nghiệp nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Sử dụng hợp lý chính sách xúc tiến và tiêu thụ sản phẩm với từng loại thị trường, nghệ thuật bán hàng và hành vi ứng xử với khách hàng

Thông qua học phần, sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để Phân tích và tổng hợp nhu cầu thời trang của thị trường hàng may mặc, nhận biết cơ hội và thách thức kinh doanh thời trang, nghiên cứu thị trường và các phương pháp dự báo thị trường thời trang mùa mới, xây dựng được mô hình kinh doanh và các chiến lược kinh doanh hàng thời trang phù hợp.

9.5.83 Quản trị thương hiệu ngành may

Mã học phần: GF6029

Số tín chỉ: 0(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần quản trị thương hiệu trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về khái niệm thương hiệu, cấu trúc của thương hiệu và quá trình quản trị thương hiệu. Học

phần đi sâu vào phân tích quá trình quản trị thương hiệu từ bước đầu tiên là định vị thương hiệu. Tiếp đến là cách thức xây dựng bộ nhận diện thương hiệu. Bước sau đó là bảo hộ thương hiệu. Quá trình marketing hỗn hợp được giới thiệu dùng để phát triển thương hiệu. Và cuối cùng là đo lường giá trị thương hiệu và sử dụng giá trị thương hiệu trong các hoạt động phát triển, liên minh và chuyển nhượng thương hiệu.

9.5.84 Nghiên cứu thị trường

Mã học phần: BM6042

Số tín chỉ: 0(0,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thành bại phụ thuộc vào quyết định của nhà quản trị. Mặt khác nhà quản trị muốn ra được quyết định chính xác chủ yếu phải dựa trên thông tin có được bên cạnh những kinh nghiệm và phán đoán chủ quan. Vì vậy thông tin thị trường vô cùng quan trọng đối với các nhà quản trị trong ngành may nói riêng và tất cả các lĩnh vực nói chung. Các quyết định phải dựa trên cơ sở thu thập và phân tích thông tin một cách khoa học theo tiến trình và phương pháp nhất định.

Học phần nghiên cứu thị trường chú trọng vào các lý thuyết cơ bản và cách thức thực hành từ xác định vấn đề nghiên cứu, thu thập thông tin soạn thảo bảng hỏi, đến phân tích xử lý thông tin và viết báo cáo để ra quyết định cụ thể cho ngành May thiết kế thời trang.

9.5.85 Quản trị rủi ro

Mã học phần: BM6049

Số tín chỉ: 2(2,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Rủi ro là một sự kiện hoặc điều kiện không chắc chắn, nếu nó xảy ra, có tác động tích cực hoặc tiêu cực đến các mục tiêu của tổ chức. Một nguy cơ có nguyên nhân và, nếu nó xảy ra, là hậu quả. Rủi ro có thể được dự đoán hậu quả, có thể vượt quá sự tưởng tượng.

Quản trị rủi ro cố gắng để nhận ra và quản trị những rắc rối tiềm ẩn và không lường trước được có thể xảy ra. Quản trị rủi ro là những nỗ lực xác định càng nhiều sự kiện rủi ro càng tốt, giảm thiểu tác động bất lợi. Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ giúp các tổ chức giữ các hoạt động ổn định, chủ động hơn và tránh được nhiều thiệt hại nhờ đã dự kiến trước. Môn học này trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.

9.5.86 Marketing thời trang

Mã học phần: GF6022

Số tín chỉ: 3(3,0,0)

Loại học phần: Tự chọn

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần giúp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nghiên thị trường các chính sách Marketing- Mix trong kinh doanh thời trang, hiểu các hệ thống và mô hình sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực thời trang. Lựa chọn được các mô hình tổ chức sản xuất phù hợp với lĩnh vực kinh doanh. Dự đoán xu hướng tiêu dùng thời trang, Sử dụng hợp lý chính sách xúc tiến và tiêu thụ sản phẩm vào việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh sản phẩm thời trang của các doanh nghiệp nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. xây dựng được mô hình kinh doanh hàng thời trang phù hợp.

9.5.87 Thực tập doanh nghiệp

Mã học phần: GF6058

Số tín chỉ: 6(0,0,6)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Đồ án chuyên ngành

Học phần Thực tập tốt nghiệp (Ngành TKTT) thuộc khối kiến thức chuyên ngành, sinh viên được tiếp cận và thực hiện trực tiếp các công việc của Nhà thiết kế trong doanh nghiệp thời trang. Kết quả của học phần được thể hiện bằng báo cáo các nội dung tìm hiểu về doanh nghiệp, mô hình sản xuất kinh doanh, quản lý chất lượng và nghiên cứu phong cách sản phẩm của doanh nghiệp/Nhà Thiết kế. Học phần yêu cầu sinh viên thiết kế và hoàn thiện một sản phẩm dựa trên xu hướng cũng như phong cách của thương hiệu.

9.5.88 Đồ án tốt nghiệp

Mã học phần: GF6011

Số tín chỉ: 9(0, 0, 9)

Loại học phần: Bắt buộc

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần trong chương trình đào tạo

Sinh viên được lựa chọn nội dung đề tài, trong đó bao gồm các nội dung:

- Nghiên cứu: Lịch sử thời trang, xu hướng thời trang trong nước, Quốc tế qua đó hình thành ý tưởng sáng tác cho bộ sưu tập.
- Sáng tác bộ sưu tập thời trang nam nữ (không giới hạn lứa tuổi, nghề nghiệp)
- Bộ sưu tập mang tính ứng dụng hiện đại và kế thừa bản sắc truyền thống văn hoá dân tộc
- Thể hiện bộ sưu tập bằng mẫu thật (Từ 3 mẫu trở lên)

10. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo được đối sánh với chương trình đào tạo của các Trường Đại học khác cùng ngành làm cơ sở đánh giá, cải tiến, phát triển chương trình như Trường Đại học Fashion Design ĐH Marist-My, ĐH Công nghiệp TPHCM, ĐH Công nghệ TPHCM

10.1 Bảng đối chiếu cấu trúc chương trình đào tạo

Tên trường Khối kiến thức	Fashion Design ĐH Marist-My	ĐH Công nghiệp TPHCM	ĐH Công nghệ TPHCM	Trường ĐHCN HN
Khối kiến toán KHTN	6	10	3	6
Ngoại ngữ		4	18	5
Kiến thức chính trị, kinh tế và VHXXH	6	14	28	18
Kiến thức cơ sở ngành	56	31	50	46
Kiến thức chuyên ngành	30	57	28	37
Thực tập và luận văn tốt nghiệp	7	15	12	15
Tự chọn	15	20	6	21

10.2 Bảng so sánh các học phần tương đồng giữa các trường

^[1]Tên Quốc gia 1: Mỹ

+ Cơ sở đào tạo: Marist University

+ Địa chỉ trang Web:

<https://www.marist.edu/commarts/fashion/pdfs/fashiondesigninfo.pdf>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2017

+ Học phần tham khảo (nếu có)

^[2]Tên Quốc gia 3: Việt Nam

+ Cơ sở đào tạo: Trường ĐHCN TPHCM

+ Địa chỉ trang Web: <http://www.hui.edu.vn/>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2017

^[3]Tên Quốc gia 4: Việt Nam

+ Cơ sở đào tạo: ĐH Công nghệ TPHCM

+ Địa chỉ trang Web: <https://www.hutech.edu.vn/>

+ Tham khảo khung CTĐT năm: 2017

Tên trường Học phần	Marist University	ĐH Công nghiệp TPHCM	ĐH Công nghệ TPHCM	Trường ĐHCN HN
Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lê Nin		X	X	X
Tư tưởng Hồ Chí Minh		X	X	X
Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam		X	X	X
Pháp luật đại cương		X	X	X
Phương pháp nghiên cứu khoa học		X		X
Đại cương văn hóa Việt Nam	X	X	X	X
Luật sở hữu trí tuệ				X
Lịch sử mỹ thuật thế giới	X	X		X
Lịch sử mỹ thuật Việt Nam		X		X
Tác phong làm việc chuyên nghiệp				X
Tiếng anh ngành May và Thiết kế trang trang		X		X
Hóa ứng dụng	X	X		X
Nguyên lý thị giác	X	X	X	X
Digital Marketing (E-Marketing)				X
Vẽ kỹ thuật		X		X
Nhập môn về kỹ thuật				X
Hình hoạ 1	X	X	X	X
Hình hoạ 2	X	X	X	X
Vật liệu may	X	X	X	X
Cơ sở thiết kế trang phục	X		X	X
Thiết kế trang phục 1	X	X	X	X
Thiết kế trang phục 2	X	X	X	X
Thiết kế trang phục cơ bản	X	X	X	X
Thiết kế trang phục khoác ngoài	X	X	X	
Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản				X

Tên trường Học phần	Marist University	ĐH Công nghiệp TPHCM	ĐH Công nghệ TPHCM	Trường ĐHCN HN
Thực hành Thiết kế và chế thử comple			X	X
Công nghệ may cơ bản		X	X	X
Thực hành công nghệ may trang phục cơ bản		X	X	X
Trang phục cộng đồng các dân tộc Việt Nam	X	X	X	X
Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính		X	X	X
Thiết kế quần áo trẻ em		X	X	X
Thiết kế và chế thử trang phục truyền thống		X	X	X
Tổ chức và quản lý sản xuất ngành may công nghiệp				X
Xử lý hoàn tất sản phẩm	X	X	X	X
Thiết bị may Công nghiệp				X
Thực hành công nghệ may trang phục khoác ngoài		X	X	X
Thiết kế trang phục lót, áo tắm		X	X	X
Nhân trắc học - Ecgonomi			X	X
Sinh thái và môi trường dệt may			X	X
Thiết kế trang phục dệt kim		X	X	X
Thiết kế và điều hành dây chuyền may				X
Cơ sở thiết kế thời trang	X	X	X	X
Lịch sử trang phục	X	X	X	X
Hình họa thời trang	X	X	X	X
Đồ họa thời trang	X	X	X	X
Thiết kế mẫu 3D		X	X	X
Dự báo xu hướng Thời trang	X	X		X
Thiết kế thời trang trẻ em	X	X	X	X
Thiết kế thời trang theo mùa	X	X	X	X
Thiết kế thời trang dạ hội	X	X	X	X
Tạo hình vật liệu thời trang	X	X	X	X
Tổ chức sự kiện Thời trang	X			X
Đồ án chuyên ngành	X	X	X	X
Thiết kế chuyển đổi mẫu				X
Trang điểm và nhiếp ảnh	X	X		X
Chi phí và giá thành				X
Kinh doanh thời trang	X	X	X	X
Quản trị thương hiệu ngành may	X	X	X	X

Tên trường Học phần	Marist University	ĐH Công nghiệp TPHCM	ĐH Công nghệ TPHCM	Trường ĐHCN HN
Nghiên cứu thị trường	x	x	x	x
Quản trị rủi ro				x
Marketing thời trang				x
Thực tập doanh nghiệp	x	x	x	x
Đồ án/ khóa luận tốt nghiệp	x	x	x	x

10.3 Bảng so sánh với các phiên bản chương trình đào tạo trước đó của trường ĐHCNHN

Phiên bản năm Khối kiến thức	2009	2013	2018
Khối kiến toán KHTN	9	5	6
Ngoại ngữ	33	5	5
Kiến thức chính trị, kinh tế và VHXX	17	25	18
Kiến thức cơ sở ngành	20	59	46
Kiến thức chuyên ngành	70	19	37
Thực tập và luận văn tốt nghiệp	15	15	15
Tự chọn	8	13	21

Phiên bản năm Học phần	2009	2013	2018
Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac –Lê Nin	x	x	x
Tư tưởng Hồ Chí Minh	x	x	x
Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x	x	x
Pháp luật đại cương		x	x
Phương pháp nghiên cứu khoa học			x
Đại cương Văn hóa Việt Nam	x	x	x
Luật sở hữu trí tuệ			x
<i>Lịch sử mỹ thuật thế giới</i>		x	x
<i>Lịch sử mỹ thuật Việt Nam</i>	x	x	x
<i>Tác phong làm việc chuyên nghiệp</i>			x
Tiếng anh May và Thiết kế thời trang	x	x	x
Hóa ứng dụng			x
Nguyên lý thị giác	x	x	x
<i>Thương mại điện tử</i>			x
<i>Vẽ kỹ thuật</i>	x		x
Nhập môn về kỹ thuật			x

Phiên bản năm	2009	2013	2018
Học phần			
Hình hoạ 1	X	X	X
Hình hoạ 2	X	X	X
Vật liệu may	X	X	X
Cơ sở thiết kế trang phục			X
Thiết kế trang phục cơ bản	X	X	X
Thiết kế trang phục khoác ngoài	X	X	X
Thực hành thiết kế và chế thử trang phục cơ bản	X	X	X
Thực hành Thiết kế và chế thử comple	X	X	X
Công nghệ may cơ bản	X	X	X
Thực hành công nghệ may trang phục cơ bản	X	X	X
Trang phục cộng đồng các dân tộc Việt Nam		X	X
<i>Thiết kế và giác sơ đồ trên máy tính</i>		X	X
<i>Thiết kế quần áo trẻ em</i>			X
<i>Thiết kế và chế thử trang phục truyền thống</i>			X
<i>Tổ chức và quản lý sản xuất ngành may công nghiệp</i>	X	X	X
<i>Xử lý hoàn tất sản phẩm dệt may</i>		X	X
<i>Thiết bị may công nghiệp</i>	X	X	X
<i>Thực hành công nghệ may trang phục khoác ngoài</i>	X	X	X
<i>Thiết kế trang phục lót, áo tắm</i>			X
<i>Nhân trắc học - Ecgonomi</i>	X	X	X
<i>Sinh thái và môi trường dệt may</i>		X	X
<i>Thiết kế trang phục dệt kim</i>			X
<i>Thiết kế và điều hành dây chuyền may</i>			X
Cơ sở thiết kế thời trang		X	X
Lịch sử trang phục	X	X	X
Hình họa thời trang		X	X
Đồ họa Thời trang	X	X	X
Thiết kế mẫu 3D	X	X	X
Dự báo xu hướng Thời trang		X	X
Thiết kế thời trang trẻ em	X	X	X
Thiết kế thời trang theo mùa		X	X
Thiết kế thời trang dạ hội	X	X	X
Tạo hình vật liệu thời trang		X	X
Tổ chức sự kiện thời trang	X	X	X
Đồ án chuyên ngành Thiết kế thời trang			X
<i>Thiết kế chuyển đổi mẫu</i>			X
<i>Trang điểm và nhiếp ảnh</i>	X	X	X
<i>Chi phí và giá thành</i>			X

Phiên bản năm	2009	2013	2018
Học phần			
<i>Kinh doanh thời trang</i>		X	X
<i>Quản trị thương hiệu ngành may</i>		X	X
<i>Nghiên cứu thị trường</i>			X
<i>Quản trị rủi ro</i>			X
<i>Marketing thời trang</i>		X	X
Thực tập doanh nghiệp	X	X	X
Đồ án/khóa luận tốt nghiệp	X	X	X

Kết quả cho thấy các chương trình được so sánh cùng ngành có số tín chỉ cho các nhóm kiến thức tương đương, đặc biệt là khối kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành phù hợp với yêu cầu khung chương trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội./.

Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 2018



TRƯỞNG KHOA

PGS.TS Nguyễn Thị Lệ

PHỤ LỤC: TÀI LIỆU THAM KHẢO XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

I. Các văn bản pháp lý

- Hướng dẫn đánh giá chương trình theo AUN – QA, phiên bản 3.0 2015;
- Hướng dẫn chung về sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của BGD&ĐT 2016;
- Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13;
- Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18 tháng 09 năm 2008 về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối ngành không chuyên;
- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT, ngày 10 tháng 10 năm 2017, Ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;
- Căn cứ Quyết định số 687/QĐ-ĐHCN ngày 01 tháng 06 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc phê duyệt Đề án: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO;
- Căn cứ Quyết định số 259/QĐ-ĐHCN ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc mở rộng phạm vi áp dụng Đề án: Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO;
- Căn cứ Quy định kèm theo Quyết định số 351/QĐ-ĐHCN ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

II. Khung chương trình các trường đại học tham khảo:

- *Fashion Design Marist University*
- *Trường ĐHCN TPHCM*
- *ĐH Công nghệ TPHCM*